

Phụ lục I
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo	%	6-8
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		
3.1	Cấp huyện		
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện	1
3.2	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	56.5
	<i>Trong đó:</i>		
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	27.1
	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	8.3

Phụ lục II
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023									Ghi chú
		Trung ương giao			Địa phương giao						
					Giao đợt này			Giao sau khi đủ điều kiện (*)			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
	Tổng số	1,243,102	675,155	567,947	1,177,683	675,155	502,528	65,419		65,419	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	821,202	429,596	391,606	755,783	429,596	326,187	65,419		65,419	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	283,570	141,429	142,141	283,570	141,429	142,141				
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	138,330	104,130	34,200	138,330	104,130	34,200				

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục II.1

**DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA THEO LĨNH VỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
	Tổng số	567,947	139,968	25,543	15,565	365,428	21,443	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	142,141	33,785	6,680	7,181	94,495		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	12,144				12,144		
-	Cấp huyện	12,144				12,144		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	38,935				38,935		
-	Cấp huyện	38,935				38,935		
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	24,353			7,181	17,172		
-	Cấp tỉnh	1,061			718	343		
-	Cấp huyện	23,292			6,463	16,829		
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	34,698	26,234			8,464		
-	Cấp tỉnh	6,277	5,247			1,030		
-	Cấp huyện	28,421	20,987			7,434		
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	17,780				17,780		
-	Cấp huyện	17,780				17,780		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	6,680		6,680				
-	Cấp tỉnh	2,114		2,114				
-	Cấp huyện	4,566		4,566				
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	7,551	7,551					
-	Cấp tỉnh	2,264	2,264					
-	Cấp huyện	5,287	5,287					
II	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	391,606	106,183	18,863	8,384	236,733	21,443	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	20,646				20,646		
-	Cấp huyện	20,646				20,646		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	194,976				194,976		
-	Cấp tỉnh	86,295				86,295		

TT	Chỉ tiêu	DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp					
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	
	+ Trong đó: Tập trung tại tỉnh chưa phân bổ	60,105				60,105		(*)
-	Cấp huyện	108,681				108,681		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	17,578				17,578		
-	Cấp tỉnh	562				562		
-	Cấp huyện	17,016				17,016		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	106,183	106,183					
-	Cấp tỉnh	58,208	58,208					
	+ Trong đó: Tập trung tại tỉnh chưa phân bổ	5,314	5,314					(*)
-	Cấp huyện	47,975	47,975					
5	Dự án 6: Bào tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du	7,508		7,508				
-	Cấp tỉnh	4,505		4,505				
-	Cấp huyện	3,003		3,003				
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	7,712			7,712			
-	Cấp tỉnh	7,712			7,712			
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	17,183					17,183	
-	Cấp tỉnh	10,309					10,309	
-	Cấp huyện	6,874					6,874	
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	5,940		336	672	672	4,260	
-	Cấp tỉnh	3,597		336	672	672	1,917	
-	Cấp huyện	2,343					2,343	
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	13,880		11,019		2,861		
-	Cấp tỉnh	6,407		4,860		1,547		
-	Cấp huyện	7,473		6,159		1,314		
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	34,200				34,200		
-	Cấp tỉnh	5,504				5,504		
-	Cấp huyện	28,696				28,696		

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục III
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA															Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025						Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			
Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó			Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			
					KH năm 2023	Hỗ trợ huyện "trắng xã nông thôn mới" (**)	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (**)										
	TỔNG SỐ	1,243,102	675,155	567,947	138,330	104,130	92,190	10,000	1,940	34,200	283,570	141,429	142,141	821,202	429,596	391,606	
I	Cấp tỉnh	274,298	79,483	194,815	7,444	1,940			1,940	5,504	31,709	19,993	11,716	235,145	57,550	177,595	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28,427	10,512	17,915	2,664	1,940			1,940	724	343		343	25,420	8,572	16,848	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8,487	3,283	5,204							7,344	3,283	4,061	1,143		1,143	
3	Ban Dân tộc tỉnh	22,107	2,506	19,601										22,107	2,506	19,601	
4	Sở Công Thương	408		408										408		408	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	66,192	27,433	38,759										66,192	27,433	38,759	
6	Sở Nội vụ	1,743		1,743	30					30				1,713		1,713	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	21,957	16,710	5,247							21,957	16,710	5,247				
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11,313	6,252	5,061	500					500				10,813	6,252	4,561	
9	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	2,200		2,200	2,200					2,200							
10	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	10,865		10,865	500					500				10,365		10,365	
11	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1,325	779	546										1,325	779	546	

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA														Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025					Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			
Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó			Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		
					KH năm 2023	Hỗ trợ huyện "trắng xã nông thôn mới" (**)	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (**)									
12	Hội Nông dân tỉnh	500		500	200				200				300		300	
13	Tỉnh đoàn	700		700	400				400				300		300	
14	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	185		185	100				100				85		85	
15	Ban Dân vận Tỉnh ủy	29		29									29		29	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	3,536	1,169	2,367	650				650	1,347		1,347	1,539	1,169	370	
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29		29									29		29	
18	Sở Tài chính	29		29									29		29	
19	Sở Y tế	19,860	10,839	9,021						718		718	19,142	10,839	8,303	
20	Sở Tư pháp	123		123									123		123	
21	Sở Giao thông Vận tải	29		29									29		29	
22	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum	29		29									29		29	
23	Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	6,687		6,687									6,687		6,687	
24	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	976		976									976		976	
25	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	29		29									29		29	
26	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	29		29									29		29	
27	Công an tỉnh	1,085		1,085	200				200				885		885	
28	Tập trung tại tỉnh chưa phân bổ	65,419		65,419									65,419		65,419	(*)

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA															Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025					Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025				
Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó			Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			
					KH năm 2023	Hỗ trợ huyện "trắng xã nông thôn mới" (**)	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (**)										
II	Cấp huyện	968,804	595,672	373,132	130,886	102,190	92,190	10,000		28,696	251,861	121,436	130,425	586,057	372,046	214,011	
1	Thành phố Kon Tum	44,469	23,461	21,008	21,219	17,223	17,223			3,996	8,463		8,463	14,787	6,238	8,549	
2	Huyện Đắk Hà	82,850	46,414	36,436	11,755	8,105	8,105			3,650	10,416		10,416	60,679	38,309	22,370	
3	Huyện Đắk Tô	71,336	37,076	34,260	5,469	3,039	3,039			2,430	8,139		8,139	57,728	34,037	23,691	
4	Huyện Ngọc Hồi	73,625	45,341	28,284	30,761	28,366	28,366			2,395	6,264		6,264	36,600	16,975	19,625	
5	Huyện Tu Mơ Rông	192,019	124,892	67,127	13,150	10,000		10,000		3,150	71,972	42,218	29,754	106,897	72,674	34,223	
6	Huyện Đắk Glei	112,222	68,265	43,957	5,789	3,039	3,039			2,750	11,011		11,011	95,422	65,226	30,196	
7	Huyện Sa Thầy	77,023	40,695	36,328	7,342	4,052	4,052			3,290	11,696		11,696	57,985	36,643	21,342	
8	Huyện Kon Rẫy	75,337	49,675	25,662	26,844	24,314	24,314			2,530	7,853		7,853	40,640	25,361	15,279	
9	Huyện Kon Plông	125,842	84,492	41,350	6,319	3,039	3,039			3,280	59,784	38,897	20,887	59,739	42,556	17,183	
10	Huyện Ia H'Drai	114,081	75,361	38,720	2,238	1,013	1,013			1,225	56,263	40,321	15,942	55,580	34,027	21,553	

Ghi chú:

(*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

(**): Triển khai thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Phụ lục IV
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HDND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025																										Ghi chú		
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết dự án thành phần																									
					Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2	Dự án 3			Dự án 4								Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7						
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án						Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án					
									TDA 1	TDA 2				TDA 1			TDA 2	TDA 3				TDA 1	TDA 2		TDA 2	TDA 1	TDA 2			
Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN					Vốn SN	Vốn SN				Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	
	TỔNG SỐ	283,570	141,429	142,141	133,580	121,436	12,144	38,935	24,353	17,172	7,181	54,691	19,993	34,698	42,944	16,710	26,234	2,300	9,447	3,283	6,164	17,780	6,680	4,490	2,190	7,551	4,920	2,631		
I	Cấp tỉnh	31,709	19,993	11,716					1,061	343	718	26,270	19,993	6,277	21,957	16,710	5,247	414	3,899	3,283	616		2,114	1,347	767	2,264	1,475	789		
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	343		343					343	343																				
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7,344	3,283	4,061								4,313	3,283	1,030				414	3,899	3,283	616		767		767	2,264	1,475	789		
3	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	21,957	16,710	5,247								21,957	16,710	5,247	21,957	16,710	5,247													
4	Sở Y tế	718		718					718		718																			
5	Sở Thông tin và Truyền thông	1,347		1,347																			1,347	1,347						
II	Cấp huyện	251,861	121,436	130,425	133,580	121,436	12,144	38,935	23,292	16,829	6,463	28,421		28,421	20,987		20,987	1,886	5,548		5,548	17,780	4,566	3,143	1,423	5,287	3,445	1,842		
1	Thành phố Kon Tum	8,463		8,463				3,644	2,222	1,575	647	1,635		1,635	1,106		1,106		529		529		446	307	139	516	336	180		
2	Huyện Đắk Hà	10,416		10,416				3,948	2,289	1,707	582	3,138		3,138	2,374		2,374		764		764		482	332	150	559	364	195		
3	Huyện Đắk Tô	8,139		8,139				2,896	1,840	1,251	589	2,639		2,639	2,070		2,070		569		569		354	244	110	410	267	143		
4	Huyện Ngọc Hồi	6,264		6,264				2,106	1,416	911	505	2,185		2,185	1,714		1,714		471		471		258	177	81	299	195	104		
5	Huyện Tu Mơ Rông	71,972	42,218	29,754	46,440	42,218	4,222	5,831	3,482	2,520	962	3,954		3,954	2,771		2,771	694	489		489	10,880	642	442	200	743	484	259		
6	Huyện Đắk Glei	11,011		11,011				4,252	2,517	1,838	679	3,120		3,120	2,494		2,494		626		626		520	358	162	602	392	210		
7	Huyện Sa Thầy	11,696		11,696				4,556	2,551	1,969	582	3,388		3,388	2,612		2,612		776		776		557	383	174	644	420	224		

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025																										Ghi chú		
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết dự án thành phần																									
					Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2	Dự án 3			Dự án 4							Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7							
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án						Vốn SN	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án				
										TDA 1	TDA 2				TDA 1			TDA 2		TDA 3			TDA 1	TDA 2		TDA 1	TDA 2			
										Vốn SN	Vốn SN				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT			Vốn SN	Tổng cộng		Vốn SN	Tổng cộng		Vốn SN	
8	Huyện Kon Rẫy	7,853		7,853				2,794	1,729	1,208	521	2,593		2,593	2,141		2,141		452		452		341	235	106	396	258	138		
9	Huyện Kon Plông	59,784	38,897	20,887	42,787	38,897	3,890	5,183	3,099	2,240	859	4,002		4,002	2,706		2,706	694	602		602	3,500	562	387	175	651	424	227		
10	Huyện Ia H'Drai	56,263	40,321	15,942	44,353	40,321	4,032	3,725	2,147	1,610	537	1,767		1,767	999		999	498	270		270	3,400	404	278	126	467	305	162		

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
 - Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
 - Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp
 - Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
 - Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn
 - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
 - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững
- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
 - Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin
 - Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
 - Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình
 - Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Phụ lục V

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023																									
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết dự án thành phần																						
					Dự án 1			Dự án 2	Dự án 3					Dự án 4 (TDA 1)			Dự án 5										
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án					
												TDA 1	TDA 2									TDA 1		TDA 1		TDA 2	TDA 3
					Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN
	TỔNG SỐ	821,202	429,596	391,606	55,929	35,283	20,646	93,539	203,548	8,572	194,976	140,771	62,777	8,572	54,205	210,288	192,710	17,578	170,279	64,096	106,183	104,618	64,096	40,522	10,652	43,513	11,496
I	Cấp tỉnh	235,145	57,550	177,595					94,867	8,572	86,295	81,417	13,450	8,572	4,878	4,166	3,604	562	85,641	27,433	58,208	65,280	27,433	37,847	10,652	1,087	8,622
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25,420	8,572	16,848					25,364	8,572	16,792	13,649	11,715	8,572	3,143												
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1,143		1,143															1,087		1,087					1,087	
3	Ban Dân tộc tỉnh	22,107	2,506	19,601					543		543		543		543				10,564		10,564				1,942		8,622
4	Sở Công Thương	408		408					379		379		379		379												
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	66,192	27,433	38,759															66,136	27,433	38,703	65,280	27,433	37,847	856		
6	Sở Nội vụ	1,713		1,713															1,684		1,684				1,684		
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10,813	6,252	4,561																							
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	10,365		10,365																							
9	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1,325	779	546					271		271		271		271												
10	Hội Nông dân tỉnh	300		300					271		271		271		271												
11	Tỉnh đoàn	300		300					271		271		271		271												
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	85		85																							
13	Ban Dân vận Tỉnh ủy	29		29																							
14	Sở Thông tin và Truyền thông	1,539	1,169	370																							
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29		29																							
16	Sở Tài chính	29		29																							
17	Sở Y tế	19,142	10,839	8,303												4,166	3,604	562									
18	Sở Tư pháp	123		123																							
19	Sở Giao thông Vận tải	29		29																							
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum	29		29																							
21	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	6,687		6,687					6,687		6,687	6,687															
22	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	976		976					976		976	976															

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023																									
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết dự án thành phần																						
					Dự án 1			Dự án 2	Dự án 3				Dự án 4 (TDA 1)			Dự án 5											
					Chi tiết tiểu dự án				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án															
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	TDA 1				TDA 2				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	TDA 1			TDA 2	TDA 3	TDA 4			
Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN				Vốn SN				Vốn SN															
23	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	29		29																							
24	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	29		29																							
25	Công an tỉnh	885		885													856		856					856			
26	Tập trung tại tỉnh chưa phân bổ	65,419		65,419				60,105		60,105	60,105						5,314		5,314					5,314			
II	Cấp huyện	586,057	372,046	214,011	55,929	35,283	20,646	93,539	108,681		108,681	59,354	49,327		49,327	206,122	189,106	17,016	84,638	36,663	47,975	39,338	36,663	2,675		42,426	2,874
1	Thành phố Kon Tum	14,787	6,238	8,549	1,933	1,311	622		1,293		1,293		1,293		1,293	4,430	3,856	574	4,679		4,679	52		52		4,566	61
2	Huyện Đắk Hà	60,679	38,309	22,370	6,223	3,428	2,795	10,217	8,246		8,246	3,700	4,546		4,546	23,262	21,468	1,794	9,807	2,243	7,564	2,497	2,243	254		7,024	286
3	Huyện Đắk Tô	57,728	34,037	23,691	3,846	2,603	1,243	7,220	15,310		15,310	11,497	3,813		3,813	20,837	19,380	1,457	7,671	3,721	3,950	3,878	3,721	157		3,512	281
4	Huyện Ngọc Hồi	36,600	16,975	19,625	1,715	1,230	485	7,220	12,126		12,126	11,136	990		990	5,676	5,287	389	6,870	1,485	5,385	1,535	1,485	50		5,268	67
5	Huyện Tu Mơ Rông	106,897	72,674	34,223	9,524	5,845	3,679	16,848	17,265		17,265	5,510	11,755		11,755	38,589	35,220	3,369	18,388	11,633	6,755	12,046	11,633	413		5,737	605
6	Huyện Đắk Glei	95,422	65,226	30,196	9,644	5,355	4,289	19,023	16,674		16,674	6,000	10,674		10,674	33,350	30,294	3,056	10,001	6,969	3,032	7,254	6,969	285		2,224	523
7	Huyện Sa Thầy	57,985	36,643	21,342	6,681	4,221	2,460	7,750	11,069		11,069	5,689	5,380		5,380	24,889	22,750	2,139	4,278	729	3,549	1,563	729	834		2,341	374
8	Huyện Kon Rẫy	40,640	25,361	15,279	5,568	3,202	2,366		4,741		4,741	886	3,855		3,855	20,404	18,879	1,525	7,497	2,471	5,026	2,771	2,471	300		4,495	231
9	Huyện Kon Plông	59,739	42,556	17,183	6,172	4,044	2,128	13,155	7,144		7,144	2,401	4,743		4,743	20,577	18,751	1,826	6,902	3,131	3,771	3,426	3,131	295		3,162	314
10	Huyện Ia H'Drai	55,580	34,027	21,553	4,623	4,044	579	12,106	14,813		14,813	12,535	2,278		2,278	14,108	13,221	887	8,545	4,281	4,264	4,316	4,281	35		4,097	132

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- 3 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 4 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 5 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng DBDTS

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

(*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục V

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023																				Ghi chú		
		Chi tiết dự án thành phần																						
		Dự án 6			Dự án 7			Dự án 8	Dự án 9				Dự án 10											
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án					
												TDA 1		TDA 2					TDA 1	TDA 2			TDA 3	
											Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN				Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN		
	TỔNG SỐ	25,372	17,864	7,508	14,947	7,235	7,712	17,183	8,446	2,506	5,940	4,186	2,506	1,680	4,260	21,671	7,791	13,880	9,377	9,433	7,791	1,642	2,861	
I	Cấp tỉnh	10,757	6,252	4,505	14,947	7,235	7,712	10,309	6,103	2,506	3,597	4,186	2,506	1,680	1,917	8,355	1,948	6,407	3,760	3,048	1,948	1,100	1,547	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn															56		56					56	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội															56		56					56	
3	Ban Dân tộc tỉnh								6,103	2,506	3,597	4,186	2,506	1,680	1,917	4,897		4,897	3,385	821		821	691	
4	Sở Công Thương															29		29					29	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo															56		56					56	
6	Sở Nội vụ															29		29					29	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10,757	6,252	4,505												56		56					56	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh							10,309								56		56					56	
9	Liên minh Hợp tác xã tỉnh															1,054	779	275		1,025	779	246	29	
10	Hội Nông dân tỉnh															29		29					29	
11	Tỉnh đoàn															29		29					29	
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh															85		85					85	
13	Ban Dân vận Tỉnh ủy															29		29					29	
14	Sở Thông tin và Truyền thông															1,539	1,169	370	281	1,202	1,169	33	56	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư															29		29					29	
16	Sở Tài chính															29		29					29	
17	Sở Y tế				14,947	7,235	7,712									29		29					29	
18	Sở Tư pháp															123		123	94				29	
19	Sở Giao thông Vận tải															29		29					29	
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum															29		29					29	
21	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray																							
22	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông																							

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023																				Ghi chú		
		Chi tiết dự án thành phần																						
		Dự án 6			Dự án 7			Dự án 8	Dự án 9					Dự án 10										
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án				Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiểu dự án					
												TDA 1			TDA 2				TDA 1	TDA 2			TDA 3	
												Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN									
Vốn SN	Tổng cộng																			Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN		
23	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh														29		29					29		
24	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh														29		29					29		
25	Công an tỉnh														29		29					29		
26	Tập trung tại tỉnh chưa phân bổ																						(*)	
II	Cấp huyện	14,615	11,612	3,003				6,874	2,343		2,343				2,343	13,316	5,843	7,473	5,617	6,385	5,843	542	1,314	
1	Thành phố Kon Tum	1,268	1,048	220				256	176		176				176	752	23	729	647	25	23	2	80	
2	Huyện Đắk Hà	724	431	293				744	177		177				177	1,279	522	757	587	570	522	48	122	
3	Huyện Đắk Tô	685	490	195				605	234		234				234	1,320	623	697	503	681	623	58	136	
4	Huyện Ngọc Hồi	1,918	1,625	293				163	203		203				203	709	128	581	513	140	128	12	56	
5	Huyện Tu Mơ Rông	2,226	1,762	464				1,280	323		323				323	2,454	1,366	1,088	706	1,492	1,366	126	256	
6	Huyện Đắk Glei	2,994	2,457	537				1,198	271		271				271	2,267	1,128	1,139	809	1,233	1,128	105	225	
7	Huyện Sa Thầy	602	431	171				907	279		279				279	1,530	762	768	538	833	762	71	159	
8	Huyện Kon Rẫy	631	411	220				628	187		187				187	984	398	586	460	435	398	37	89	
9	Huyện Kon Plông	3,327	2,839	488				744	306		306				306	1,412	636	776	577	695	636	59	140	
10	Huyện Ia H'Drai	240	118	122				349	187		187				187	609	257	352	277	281	257	24	51	

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

6 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

7 Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

8 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

9 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- *Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*

- *Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

10 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình*

- *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

- *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*

Phụ lục VI

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
TỔNG SỐ			104,130	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		1,940	
1	Đầu tư nhà kho, xưởng sơ chế sản phẩm cà phê, lúa gạo Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đak Kan	Xã Đăk Kan, Ngọc Hồi		
2	Đầu tư nhà kho, xưởng sơ chế sản phẩm mắc ca của Hợp tác xã Mắc Ca Nhân Hoà	Xã Kon Đào, Đăk Tô		
II	Thành phố Kon Tum		17,223	
1	Đường trục thôn thôn Trung Nghĩa Đông (Từ nhà Hoàng Du Lịch đến nhà Phan Thanh Giảng)	Xã Kroong		
2	Đường trục thôn thôn Trung Nghĩa Tây (Từ nhà Ngô Hữu Công đến nhà Trần Thị Thanh Liễu)	Xã Kroong		
3	Đường đi khu sản xuất số 1 ra hồ chứa Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ wa		
4	Đường nội thôn (từ nhà ông Nhà ô. Trieh đến đất ông Banh)	Xã Đăk Rơ wa		
5	Đường nội thôn số 4 thôn Kon Tum Kơ Pơng 2	Xã Đăk Rơ wa		
6	Đường nội thôn số 6 thôn Kon Tum Kơ Pơng 2	Xã Đăk Rơ wa		
7	Điểm trường mầm non Thôn Kon Jodri	Xã Đăk Rơ wa		
8	Điểm trường tiểu học Thôn Kon Ktu	Xã Đăk Rơ wa		
9	Điểm trường mầm non Thôn Kon Tum Kơ Pơng	Xã Đăk Rơ wa		
10	Trường TH-THCS Đăk Rơ Wa (cơ sở THCS), thành phố Kon Tum	Xã Đăk Rơ Wa		
11	Điện chiếu sáng đường GTNT thôn Kon Hring, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
12	Điện chiếu sáng đường GTNT thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
13	Điện chiếu sáng công lộ đoạn từ Quốc lộ 24 cũ đi đến thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
14	Điện chiếu sáng đường GTNT thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
15	Điện chiếu sáng đường GTNT thôn Kon Drei, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
16	Trường TH-THCS Đăk Blà (cơ sở tiểu học), thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
17	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Phụng đến nhà Y Kanh	Xã Vinh Quang		
18	Tuyến đường từ nhà A Hrul đến đối diện nhà ông A Truih	Xã Vinh Quang		
19	Tuyến đường từ nhà Y Bư đến nhà Y Ta	Xã Vinh Quang		
20	Tuyến đường từ nhà Đỗ Gổ Tùng Hằng đến nhà Nguyễn Văn Trường	Xã Vinh Quang		
21	Đường GTNT thôn Jơ Drọp (Từ nhà A Túi đến nhà A Cường)	Xã Đăk Năng		
22	Đường GTNT thôn Jơ Drọp (Từ nhà A Mui đến nhà ông Nguyễn Văn Thiệu)	Xã Đăk Năng		
23	Đường GTNT thôn Ia Hội (Từ nhà ông Nguyễn Sang đến nhà ông Nguyễn Trường sơn)	Xã Đăk Năng		
24	Đường từ nhà ông Lê Trọng Ý đến nhà ông A Hùng	Xã Hòa Bình		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
25	Từ đường nhựa đi thôn Plei dơng đến nhà ông A Phải	Xã Hòa Bình		
26	Từ đường đi Ya Chim đến nhà ông Lê Văn Trung	Xã Hòa Bình		
27	Đường số 5 Thôn Đak krăk	Xã Hòa Bình		
28	Đường liên xã từ trụ sở UBND xã Chư Hreng qua khu giãn dân xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	Xã Chư Hreng		
29	Tuyến đường từ rẫy ông Thư ra suối	Xã Đăk Cấm		
30	Tuyến đường từ cây Đa ra suối	Xã Đăk Cấm		
31	Đoạn từ nhà ông Keo đến nhà ông Avelo	Xã Đăk Cấm		
32	Đầu tư xây dựng cầu tràn dân sinh trên địa bàn xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Cấm		
33	Đường Ngõ Xóm 2 (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Lường đến nhà ông Phan Văn Thế và đoạn từ nhà ông Mai Ngọc Nhuận đến nhà ông Nguyễn Văn Thủy)	Xã Ia Chim		
34	Đường ngõ xóm số 6 (đoạn từ nhà ông Phan Viết Dũng đến nhà bà Lê Thị Tuyết Nhung)	Xã Ia Chim		
35	Đường Ngõ Xóm 1 (đoạn từ nhà ông A Khum đến nhà ông A Dao và nhà ông A Núi đến nhà ông A Kui)	Xã Ia Chim		
36	Đường Ngõ Xóm số 2 (đoạn từ nhà ông A Wunh đến nhà ông A Phen)	Xã Ia Chim		
37	Đường trục thôn số 4 thôn Kon Hơ Ngol Kơ Lah QH	Xã Ngok Bay		
38	Đường trục thôn số 1 thôn Măng La	Xã Ngok Bay		
39	Đường trục thôn số 2 thôn Măng La	Xã Ngok Bay		
40	Đường trục thôn số 3 thôn Măng La	Xã Ngok Bay		
41	Đường trục thôn số 2 thôn Đăk Rơ Đe	Xã Ngok Bay		
42	Đường trục thôn số 3 thôn Đăk Rơ Đe	Xã Ngok Bay		
43	Đường trục thôn số 4 thôn Plei Klech	Xã Ngok Bay		
44	Trường tiểu học Đặng Trần Côn, thành phố Kon Tum	Xã Ngok Bay		
45	Tuyến đường đi sản xuất thôn 8	Xã Đoàn Kết		
46	Trường mầm non Hoa Mai, thành phố Kon Tum	Xã Đoàn Kết		
III	Huyện Đăk Hà		8,105	
1	Đường nội bộ thôn Kon Năng Treang	Xã Đăk Ui		
2	Làm mới nhà rông thôn Mnhuô Mriang	Xã Đăk Ui		
3	Đường đi khu sản xuất Đăk Mô	Xã Đăk Ui		
4	Đường GTNT từ nhà ông Ngọc đến nhà ông A Kloi thôn Đăk Kơ Đem	Xã Đăk Ui		
5	Nhà bếp ăn và các hạng mục khác Trường Mầm non xã Đăk Ui	Xã Đăk Ui		
6	Đường từ rẫy nhà ông Tâm đến nhà ông Sáng	Xã Hà Môn		
7	Đường từ rẫy ông Sính đến rẫy ông Tùng	Xã Hà Môn		
8	Đường từ nhà ông Hằng đến đất nhà ông Túc	Xã Hà Môn		
9	Đường từ rẫy ông Lực đến rẫy ông Đỉnh	Xã Hà Môn		
10	Đường từ nhà ông Bình đến đập Đăk Xít	Xã Hà Môn		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
11	Đường từ rẫy ông Lục đến rẫy ông Thành	Xã Hà Mòn		
12	Đường từ QL 14 đến nhà ông Ấn	Xã Hà Mòn		
13	Đường từ QL 14 đến đất ông Hùng	Xã Hà Mòn		
14	Đường từ nhà ông Đá đến nhà ông Phú	Xã Hà Mòn		
15	Đường từ nhà bà Tường đến cầu tạm thôn 3	Xã Hà Mòn		
16	Đường từ nhà ông Hùng đến nhà ông Hạp	Xã Đăk Mar		
17	Cuối đường xóm 7 đến nhà ông Đẹp	Xã Đăk Mar		
18	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Vững đến nhà Vũ Quang Pháp	Xã Đăk Mar		
19	Đường từ nhà A Sur đến nhà A Thiêng thôn Đăk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	Xã Đăk Mar		
20	Đường từ nhà A Giáo đến nhà A Tum thôn Đăk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	Xã Đăk Mar		
21	Đường từ nhà Y Na đến nhà A Thương thôn Đăk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	Xã Đăk Mar		
22	Đường từ nhà A Wíng đến nhà A Nhân thôn Kon Gung; Hạng mục: đường bê tông xi măng	Xã Đăk Mar		
23	Xây mới nhà rông thôn Kon Gung, xã Đăk Mar	Xã Đăk Mar		
24	Công trình đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ nhà ông Vĩnh đến giáp nương bê tông)	Xã Đăk La		
25	Công trình đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ nhà ông Đại đến nhà ông Hòa)	Xã Đăk La		
26	Công trình đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Toàn đến nhà ông Lục)	Xã Đăk La		
27	Công trình đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Lộc đến nhà ông Chuyên)	Xã Đăk La		
28	Công trình đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Thạch đến nhà ông Tinh)	Xã Đăk La		
29	Công trình đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Tàu)	Xã Đăk La		
30	Đường nội đồng thôn 4, xã Đăk La (Đoạn từ giáp đường bê tông đến suối Đăk Rang)	Xã Đăk La		
31	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Lập A, xã Đăk Hring; hạng mục: Đường bê tông xi măng từ nhà ông Định đến nhà ông Chương	Xã Đăk Hring		
32	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Lập A, xã Đăk Hring; hạng mục: Đường bê tông xi măng từ nhà ông Khánh đến nhà ông Ái	Xã Đăk Hring		
33	Nhà văn hóa thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring; Hạng mục: Nhà hội trường, tường rào khuôn viên hội trường	Xã Đăk Hring		
34	Đường GTNT Từ nhà ông Khiết đến nhà ông Khêu	Xã Đăk Ngok		
35	Đường GTNT Từ nhà ông Xuân đến suối Đăk Tôm	Xã Đăk Ngok		
36	Đường GTNT Từ nhà ông Thế đến nhà bà Nga	Xã Đăk Ngok		
37	Đường GTNT Đăk Kđem đoạn Từ thôn Đăk Kđem đi khu sản xuất	Xã Đăk Ngok		
38	Đường GTNT Đăk Lợi đoạn Từ nhà ông Cười đến nhà ông Kính	Xã Đăk Ngok		
IV	Huyện Đăk Tô		3,039	
1	Lập quy hoạch điều chỉnh xây dựng nông thôn mới xã Diên Bình	Xã Diên Bình		
2	Hội trường thôn 4 hạng mục: Xây dựng hội trường và nhà vệ sinh	Xã Diên Bình		
3	Đường nội thôn 1 (đoạn nhà ông Dần đến nhà bà Năm)	Xã Tân Cảnh		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
4	Đường TĐ 24 đến nhà ông Điền thôn 2	Xã Tân Cảnh		
5	Đường nội thôn (nhà ông Mai Xuân Liêm)	Xã Kon Đào		
6	Đường đi sản xuất Đăk Lung (đoạn 5 từ rẫy cao su ông A Dem đến rẫy cà phê ông A Pho)	Xã Kon Đào		
7	Trường Tiểu học Lê Văn Tám (Điểm trường thôn Đăk Kang Peng), xã Diên Bình	Xã Diên Bình		
V	Huyện Ngọc Hồi		28,366	
1	Nâng cấp sửa chữa một số hạng mục khu du lịch cộng đồng thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục	Xã Đăk Dục		DA chuyển
2	Đường vào khu sản xuất thôn Tà Pook, xã Đăk Nông	Xã Đăk Nông		DA chuyển
3	Đường giao thông trục thôn Hòa Bình (Nhánh 1), xã Đăk Kan	Xã Đăk Kan		DA chuyển
4	Sân vận động trung tâm xã Sa Loong	Xã Sa Loong		DA chuyển
5	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Sa Loong (THCS Nguyễn Huệ)	Xã Sa Loong		DA chuyển
6	Đường vào khu sản xuất thôn Giang Lố 1 đi 200A	Xã Sa Loong		DA chuyển
7	Đường giao thông nông thôn (đầu nối thôn Kon Khôn đến thôn Bắc Phong)	Xã Pờ Y		DA chuyển
8	Đường đi Nghĩa trang nhân dân thôn Bắc Phong	Xã Pờ Y		DA chuyển
9	Đường giao thông thôn Măng Tôn (Nhánh 3)	Xã Pờ Y		DA chuyển
10	Đường giao thông nông thôn thôn KeiJoi, xã Đăk Xú	Xã Đăk Xú		DA chuyển
11	Đường giao thông nông thôn thôn Đăk Tang	Xã Đăk Xú		DA chuyển
12	Đường trung tâm thị trấn Plei Kăn (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường Hồ Chí Minh, điểm cuối giao tại Km 1489+500 đường Hồ Chí Minh)	Thị trấn Plei Kăn		DA chuyển tiến
13	Đường vào khu xử lý bãi rác tập trung của huyện	Xã Đăk Kan		DA chuyển
14	Bê tông sân thể thao thôn Nông Chả	Xã Đăk Dục		
15	Bê tông hóa đường liên thôn Dục Nhầy 1-Ngọc Hiệp	Xã Đăk Dục		
16	Bê tông hóa đường giao thông thôn Dục Nội	Xã Đăk Nông		
17	Sân bóng chuyền thôn Dục Nội và Đăk Giàng	Xã Đăk Nông		
18	Đường giao thông trục thôn Hào Phú	Xã Đăk Kan		
19	Đầu tư nâng cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Hòa Bình, xã Đăk Kan	Xã Đăk Kan		
20	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Đăk Rơ Ling 2, xã Đăk Dục	Xã Đăk Dục		
21	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Đăk Bông	Xã Đăk Nông		
22	Sửa chữa nâng cấp công trình cấp công trình nước sinh hoạt thôn Giang Lố 1, Sa Loong	Xã Sa Loong		
VI	Huyện Tu Mơ Rông		10,000	
1	Đường đi khu sản xuất Đăk Ter thôn Kon Pia (đoạn từ nhà Nguyễn Hữu Hiệp)	Xã Đăk Hà		
2	Đường đi khu sản xuất Tê Tri thôn Ngọc Leang (đoạn từ nhà Y Hnon)	Xã Đăk Hà		
3	Đường nội thôn Đăk Pơ Trang	Xã Đăk Hà		
4	Đường nội thôn Đăk Hà (đoạn vào nhà Bek)	Xã Đăk Hà		
5	Sân thể thao thôn Kon Pia	Xã Đăk Hà		
6	Sân thể thao thôn Ngọc Leang	Xã Đăk Hà		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
7	Sân thể thao thôn Đắk Siêng	Xã Đắk Hà		
8	Sân thể thao thôn Tu Mơ Rông	Xã Đắk Hà		
9	Sân thể thao thôn Đắk Pơ Trang	Xã Đắk Hà		
10	Sân thể thao thôn Kon Ling	Xã Đắk Hà		
11	Sân thể thao thôn Ty Tu	Xã Đắk Hà		
12	Sân thể thao thôn Đắk Hà	Xã Đắk Hà		
13	Đường đi khu sản xuất Te Pô Bô thôn Đắk Pơ Trang (đoạn nối tiếp)	Xã Đắk Hà		
14	Đường đi khu sản xuất Ter Ră thôn Đắk Siêng (đoạn từ rẫy nhà A Hun)	Xã Đắk Hà		
15	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Tea Prea thôn Kon Ling	Xã Đắk Hà		
16	Đường nội thôn Long Hy	Xã Măng Ri		
17	Thủy lợi Long Va, thôn Chung Tam (làm mới đập đầu mối và kênh)	Xã Măng Ri		
18	Thủy lợi Ti Neang, thôn Pu Tá (làm mới đập đầu mối và kênh)	Xã Măng Ri		
19	Khu thể thao thôn Pu Tá	Xã Măng Ri		
VII	Huyện Đắk Glei		3,039	
1	Cầu treo dân sinh thôn Đắk Nai	Xã Đắk Môn		DA chuyển
2	Sân thể thao thôn Đắk Ven (sân bóng chuyền)	Xã Đắk Pek		
3	Làm mới đường nội thôn Đông Thượng	Xã Đắk Pek		
4	Làm mới đường nội thôn Măng Rao	Xã Đắk Pek		
5	Xây dựng mới 02 phòng học thuộc trường tiểu học xã Đắk Kroong điểm trường thôn Đắk Túc	Xã Đắk Kroong		
6	Đường GTNT nhánh 1 nối dài từ đường bê tông đi KSX thôn Đắk Sút	Xã Đắk Kroong		
VIII	Huyện Sa Thầy		4,052	
1	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ nhà ông Mừng đến rẫy ông Giảng)	Xã Sa Nghĩa		DA chuyển
2	Đường đi khu sản xuất thôn Sơn An (Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Quân đến rẫy ông Huỳnh Đức)	Xã Sa Sơn		DA chuyển
3	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (Đoạn từ rẫy bà Đào đến rẫy ông Thái Văn Lực)	Xã Sa Sơn		
4	Đường đi khu sản xuất Thôn Bar gốc (Đoạn từ rẫy ông A Đinh đến rẫy ông Trần Văn Dương)	Xã Sa Sơn		
5	Đường sản xuất thôn Đức Lý (đoạn từ Hội trường thôn đến giáp Vườn quốc gia Chu Mom Ray)	Xã Sa Nhơn		
6	Đường sản xuất khu vực cầu treo thôn Nhơn Khánh (đoạn nối tiếp)	Xã Sa Nhơn		
7	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy ông Đông đến rẫy ông Hùng; Đoạn từ rẫy Ông Lộc đến rẫy ông Thành)	Xã Sa Bình		
8	Đường đi khu Sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy bà Liên đi khu sản xuất Hồ heo)	Xã Sa Bình		
9	Trường mầm non Hoa Sen, xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	Xã Sa Nghĩa		
IX	Huyện Kon Rẫy		24,314	
1	Cụm loa thôn 4 kết nối truyền hình xã	Xã Tân Lập		DA chuyển
2	Cụm loa kết nối truyền thanh xã Đắk Pnè (Sửa chữa hệ thống truyền thanh xã Đắk Pnè) các thôn còn lại)	Xã Đắk Pnè		DA chuyển

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
3	Tường rào trường Tiểu học xã Tân Lập	Xã Tân Lập		
4	Tường rào trường THCS xã Tân Lập	Xã Tân Lập		
5	Đường đi KSX sau Huyện đội	Xã Đăk Ruồng		
6	Đường đi khu sản xuất thôn 8 (đoạn nối tiếp) xã Đăk Tờ Re	Xã Đăk Tờ Re		
7	Đường đi khu sản xuất Brai nối dài Thôn Kon Rá	Xã Đăk Tơ Lung		
8	Đường đi khu sản Xuất Nước Ná nối dài Thôn Kon Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
9	Đường đi khu sản Xuất lên đập thủy điện Thôn Kon Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
10	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân huyện Kon Rẫy	Xã Tân Lập		
11	Đầu tư bổ sung điện công lộ tại thôn 8, 9,10,11 xã Đăk Ruồng	Xã Đăk Ruồng		
12	Trường THCS Đăk Ruồng	Xã Đăk Ruồng		
13	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập	Xã Đăk Ruồng		
14	Trường THCS Đăk Tờ Re	Xã Đăk Tờ Re		
15	Cụm loa kết nối đài truyền thanh xã	Xã Đăk Tờ Re		
16	Đường đi khu sản xuất Đăk Giao, xã Đăk Pne	Xã Đăk Pne		
17	Đường đi khu sản xuất Đăk Nâm, thôn 2, xã Đăk Pne	Xã Đăk Pne		
18	Đường đi khu sản xuất thôn 3 (Đăk Móa), xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
19	Cụm loa kết nối đài truyền thanh xã	Xã Đăk Tơ Lung		
20	Sửa chữa NSH Kon Lỗ, xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
21	Nâng cấp, mở rộng đường DH 26 thị trấn Đăk Rve	Thị trấn Đăk Rve		
22	Cụm loa kết nối đài truyền thanh	Thị trấn Đăk Rve		
X	Huyện Kon Plông		3,039	
1	Thủy lợi Đăk Giắc thôn Đăk Pờ Rồ	Xã Đăk Tăng		
2	Đường đi khu sản xuất nước Nong	Xã Pờ Ê		
XI	Huyện Ia H'Drai		1,013	
1	Đường vào khu sản xuất N3, thôn 1, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
2	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		

Ghi chú: (*) Các địa phương chủ động đối ứng, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư hoàn thành dự án.

Phụ lục VII
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
	Tổng cộng		141,429	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		121,436	
I.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		121,436	
(1)	Huyện Tu Mơ Rông		42,218	
1	Khu Văn hóa, kết hợp dụng cụ thể dục thể thao, xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		DA chuyển tiếp
2	Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		DA chuyển tiếp
3	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Chum 2	Xã Tê Xăng		DA chuyển tiếp
4	Đường liên thôn từ thôn Tu Cấp vào thôn Đăk Ka - Văn Sang - Đăk Neang, xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông		DA chuyển tiếp
5	Đường đi khu sản xuất, thác Siu Puông, xã Đăk Na	Xã Đăk Na		DA chuyển tiếp
6	Đường đi khu sản xuất Đăk Chum 1, xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông		DA chuyển tiếp
7	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn Tam Rìn	Xã Ngọc Yêu		
8	Khu văn hóa thể thao xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao		
9	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	Xã Đăk Na		
10	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông		
11	Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp	Xã Đăk Hà		
12	cấp nước sinh hoạt các thôn xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		
13	Nâng cấp, Sửa chữa công trình thoát nước, vỉa hè các tuyến đường khu trung tâm huyện	Xã Đăk Hà		
14	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Mô Pành	Xã Đăk Rơ Ông		
15	Đường trục đi KSX thôn Kon Hia 1 (Đoạn chân đèo Vân Loan)	Xã Đăk Rơ Ông		
16	Sửa chữa nâng cấp đường đi khu sản xuất thôn Mô Za (Toàn tuyến 2km)	Xã Ngọc Lây		
17	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		
18	Đường đi khu sản xuất Đăk Psi thôn Ba Tu 2 (đoạn nối tiếp), xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu		
19	Hội trường Đa Năng Xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng		
20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ thôn Pu Tá đi làng cũ	Xã Măng Ri		
21	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Pu Tá	Xã Măng Ri		
22	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan		
23	Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	Xã Đăk Sao		
24	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Na	Xã Đăk Na		

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
25	Hội trường Đa Năng Xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi		
26	Khu văn hóa thể thao xã Đắk Tô Kan	Xã Đắk Tô Kan		
27	Khu văn hóa thể thao xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng		
(2)	Huyện Ia H'Drai		40,321	
1	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	Xã Ia Đal		DA chuyển tiếp
2	Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
3	Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
4	Nghĩa trang nhân dân huyện	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
5	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
6	Cầu suối đá huyện	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
7	Đường GTNT làng thanh niên Thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
8	Đường vào khu sản xuất số 1 Thôn 1, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
9	Đường GTNT thôn Ia Der Giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	Xã Ia Đal		
10	Đường giao thông thôn làng nú đi điểm dân cư số 66 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi		
11	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi		
(3)	Huyện Kon Plông		38,897	
1	Đường ĐH34 từ Km10+380 - Km15 đầu nối TL676)	Xã Măng Cánh		DA chuyển tiếp
2	Đường đi khu sản xuất nước năng thôn Kon Xùh	Thị trấn Măng Đen		
3	Đường đi khu sản xuất nước tơ thôn Kon Brăy (nối tiếp)	Thị trấn Măng Đen		
4	Đường đi khu sản xuất Đắk Ni thôn Kon Leang	Thị trấn Măng Đen		
5	Đường đi khu sản xuất nước meo	Xã Hiếu		
6	Đường nội thôn nhánh 1 Vi Choong	Xã Hiếu		
7	Đường nội thôn nhánh 1 Tu Cần	Xã Hiếu		
8	Thủy lợi nước tư	Xã Hiếu		
9	Đường đi khu sản xuất nước Pa Cao	Xã Pờ Ê		
10	Đường đi khu sản xuất nước D Rong	Xã Pờ Ê		
11	Đường đi khu sản xuất nước Ra Hách	Xã Pờ Ê		
12	Đường đi khu sản xuất Nước Bô thôn Kon Tu Ma	Xã Măng Cánh		
13	Thủy lợi Ri P Luông, thôn Kon Chênh	Xã Măng Cánh		
14	Thủy lợi Ri Gâm thôn Kon Kum	Xã Măng Cánh		
15	Cầu treo Nước Lô thôn Kon Năng	Xã Măng Cánh		
16	Đường đi khu sản xuất Nước Gổ thôn Kon Chênh đoạn 2 dài 1.290 m	Xã Măng Cánh		

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2023 (*)	Ghi chú
17	Đường đi khu sản xuất Nước Re thôn Vi Rơ Ngheo	Xã Đăk Tăng		
18	Cầu treo Măng Móc 2 thôn Đăk Pờ Rồ	Xã Đăk Tăng		
19	Cầu treo đi khu sản xuất cánh đồng nước Koi Ró thôn Vi Rơ Ngheo	Xã Đăk Tăng		
20	Đường đi khu sản xuất Măng Púi thôn Đăk Pờ Rồ	Xã Đăk Tăng		
21	Đường GTNT thôn Đăk Dắt	Xã Măng Bút		
22	Nhà văn hóa trung tâm xã	Xã Măng Bút		
23	Khu thể thao trung tâm xã	Xã Măng Bút		
24	Đường GTNT thôn Tu Nông nối tiếp	Xã Măng Bút		
25	Nâng cấp đường GTNT thôn Văng Loa	Xã Măng Bút		
26	Đường đi khu sản xuất Đăk Ang (Đoạn nối cầu treo cuối làng)	Xã Đăk Rìng		
27	Thủy lợi Nước Cai, thôn Nước Doa	Xã Đăk Rìng		
28	Đường đi khu sản xuất nhánh 1 thôn Đăk Lai	Xã Đăk Nén		
29	Đường đi sản xuất thôn Tu thôn lên làng cũ	Xã Đăk Nén		
30	Đường đi khu sản xuất thôn Điek Tà Ấu	Xã Ngọc Tem		
31	Kênh mương thủy lợi Nước Trươi	Xã Ngọc Tem		
32	Đường đi khu sản xuất thôn Điek Kua	Xã Ngọc Tem		
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		19,993	
II.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		16,710	
(1)	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum		16,710	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	Kon Tum		DA chuyển tiếp
II.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		3,283	
(1)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		3,283	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ việc làm trực tuyến và xây dựng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu phần mềm, giai đoạn 2021-2025	Kon Tum		DA chuyển tiếp

Ghi chú: (*) Các địa phương chủ động đối ứng, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư hoàn thành dự án.

Phụ lục VIII
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
TỔNG SỐ			429,596	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		35,283	
(1)	Huyện Tu Mơ Rông		5,845	
1	Nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư Ba Khen-Long Tro xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi		DA chuyển tiếp
2	Nước sinh hoạt tập trung Thôn Long Hy 2 - xã Măng Ri	Xã Măng Ri		DA chuyển tiếp
3	Hỗ trợ nhà ở	Trên địa bàn các xã		
4	Hỗ trợ đất ở	Trên địa bàn các xã		
5	Hỗ trợ đất sản xuất	Trên địa bàn các xã		
6	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt trung tâm xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu		
7	Nước sinh hoạt tập trung thôn Ngọc Đo - Long Láy 1- Ba Tu 1	Xã Ngọc Yêu		
(2)	Huyện Sa Thầy		4,221	
1	Hỗ trợ đất ở	Các xã, thôn vùng ĐBDTTS&MN		
2	Hỗ trợ nhà ở	Các xã, thôn vùng ĐBDTTS&MN		
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Các xã, thôn vùng ĐBDTTS&MN		
4	Xây dựng giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ thôn Tân Sang, xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		
(3)	Huyện Ia H'Drai		4,044	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ nhà ở	Các xã trên địa bàn huyện		
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	Xã Ia Đal		
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	Xã Ia Đal		
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	Xã Ia Đal		
6	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	Xã Ia Đal		
(4)	Huyện Đắk Hà		3,428	
1	Hỗ trợ đất ở	Các xã trên địa bàn huyện		
2	Hỗ trợ nhà ở	Các xã trên địa bàn huyện		
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Các xã trên địa bàn huyện		
4	Nước sinh hoạt tập trung tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Pxi	Xã Đắk Pxi		
(5)	Huyện Đắk Tô		2,603	
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Mơ Ham, xã Pô Kô	Xã Pô Kô		DA chuyển tiếp
2	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Măng Rường, xã Văn Lem	Xã Văn Lem		DA chuyển tiếp
3	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Pung, xã Đắk Rơ Nga	Xã Đắk Rơ Nga		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
4	Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất	Các xã trên địa bàn huyện		
(6)	Huyện Đắk Glei		5,355	
1	Hỗ trợ nhà ở	Các xã, thị trấn		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đất sản xuất	Các xã, thị trấn		
3	Nước sinh hoạt tập trung Đăk Lờ thôn Bung Tồn xã Đăk Plô	Xã Đăk Plô		
4	Nước sinh hoạt Đăk Tam, thôn Vai Trang xã Đăk Long	Xã Đăk Long		
(7)	Huyện Kon Rẫy		3,202	
1	Hỗ trợ đất ở	Các xã trên địa bàn huyện		
2	Hỗ trợ nhà ở	Các xã trên địa bàn huyện		
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Các xã trên địa bàn huyện		
4	Công trình Nước sinh hoạt tập trung thôn 4 xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
5	Đầu tư xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt thôn Đak Jri	Xã Đăk Tờ Re		
(8)	Huyện Kon Plông		4,044	
1	Nước sinh hoạt cho thôn Vác Y Nhông xã Đăk Rìng	Xã Đăk Rìng		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất trên địa bàn xã Đăk Tăng	Xã Đăk Tăng		
3	Hỗ trợ nhà ở trên địa bàn xã Đăk Rìng	Xã Đăk Rìng		
4	Hỗ trợ nhà ở trên địa bàn xã Đăk Nền	Xã Đăk Nền		
5	Hỗ trợ nhà ở trên địa bàn xã Hiếu	Xã Hiếu		
6	Nước sinh hoạt cho các hộ DTTS ở thôn Đăk PRồ (Khu mới)			
(9)	Huyện Ngọc Hồi		1,230	
1	Nước sinh hoạt tập trung xã Đăk Ang	Xã Đăk Ang		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đất ở	Xã Đăk Ang		
3	Hỗ trợ nhà ở	Xã Đăk Ang		
4	Hỗ trợ đất sản xuất	Xã Đăk Ang		
(10)	Thành phố Kon Tum		1,311	
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất	Các xã trên địa bàn thành		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn KonRơLang, xã Đăk Blà	Xã Đăk Blà		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		93,539	
(1)	Huyện Tu Mơ Rông		16,848	
1	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Hà huyện Tu Mơ Rông	Xã Đăk Hà		DA chuyển tiếp
2	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rơ Ông và Đăk Tờ Kan huyện Tu Mơ Rông	Xã Đăk Rơ Ông - Đăk Tờ Kan		DA chuyển tiếp
(2)	Huyện Sa Thầy		7,750	
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Xã Hơ Moong		DA chuyển tiếp
(3)	Huyện Ia H'Drai		12,106	
1	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
(4)	Huyện Đăk Hà		10,217	

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà	Xã Đắk Pxi		DA chuyển tiếp
(5)	Huyện Đắk Tô		7,220	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô	Xã Pô Kô		DA chuyển tiếp
(6)	Huyện Đắk Glei		19,023	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei	Xã Mường Hoong		DA chuyển tiếp
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Xốp, huyện Đắk Glei	Xã Xốp		DA chuyển tiếp
3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei	Xã Ngọc Linh		DA chuyển tiếp
4	Hỗ trợ làm nhà dự án định canh định cư tập trung thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei	Xã Mường Hoong		
(7)	Huyện Kon Plông		13,155	
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đắk Nền, huyện Kon Plông	Xã Đắk Nền		DA chuyển tiếp
(8)	Huyện Ngọc Hồi		7,220	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi	Xã Sa Loong		DA chuyển tiếp
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		8,572	
III.1	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý)</i>		8,572	
(1)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		8,572	
1	Cải tạo cơ sở hạ tầng về: điện, nước, nhà xưởng...	Các xã có được liệu quý tại 02 huyện: Đắk Glei, Tu Mơ Rông		DA chuyển tiếp
2	Đường giao thông kết nối cấp V miền núi			
3	Cơ sở bảo quản được liệu quý và mua sắm trang thiết bị.			
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		192,710	
IV.1	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		192,710	
(1)	Sở Y tế		3,604	
1	Cải tạo, sửa chữa 05 Trạm Y tế tại các xã: xã Hiếu, Đắk Ring, Đắk Nền, Đắk Tăng, huyện Kon Plông và xã Đắk Tô Re, huyện Kon Rẫy	Huyện Kon Plông, Kon Rẫy		DA chuyển tiếp
2	Xây mới 02 Trạm Y tế tại xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông; xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà và Xây mới phòng khám đa khoa khu vực Đắk R'Ve, huyện Kon Rẫy	Huyện Tu Mơ Rông, Đắk Hà, Kon Rẫy		
(2)	Huyện Tu Mơ Rông		35,220	
1	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông		DA chuyển tiếp
2	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Hà	Xã Đắk Hà		DA chuyển tiếp
3	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi		DA chuyển tiếp
4	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu		DA chuyển tiếp
5	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây		DA chuyển tiếp
6	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng		DA chuyển tiếp
7	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Măng Ri	Xã Măng Ri		DA chuyển tiếp
8	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Tô Kan	Xã Đắk Tô Kan		DA chuyển tiếp
9	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Rơ Ông	Xã Đắk Rơ Ông		DA chuyển tiếp
10	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Sao	Xã Đắk Sao		DA chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
11	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Na	Xã Đắk Na		DA chuyển tiếp
12	Chợ trung tâm xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây		
13	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Đắk Hà qua xã Đắk Rơ Ông	Xã Đắk Hà-Đắk Rơ Ông		
(3)	Huyện Sa Thầy		22,750	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Sa Bình đi xã Ya Ly	Xã Sa Bình, Ya Ly		DA chuyển tiếp
2	Đường đi khu sản xuất thôn Kram (Đoạn từ đường bê tông (rẫy ông Lăm) đến suối Đắk Blôm 1)	Xã Rờ Koi		DA chuyển tiếp
3	Đường đi khu sản xuất suối cam thôn Khúc Na đi xã YaLy	Xã Sa Bình		DA chuyển tiếp
4	Đường đi khu sản xuất suối Vê thôn Lung Leng - khu sản xuất thôn Khúc Na	Xã Sa Bình		DA chuyển tiếp
5	Đường đi khu sản xuất (Đoạn từ nhà ông A Chớ vào khu sản xuất)	Xã Ya Ly		DA chuyển tiếp
6	Xây dựng Trường Mầm Non Chim non (điểm Trường làng Tum). (hạng mục nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ)	Xã Ya Ly		DA chuyển tiếp
7	Nâng cấp đường nội thôn 1 và cống đoạn từ ngã ba thôn Thanh Xuân đi xuống hết khu dân cư thôn 1	Xã Ya Xiêr		DA chuyển tiếp
8	Đường đi khu sản xuất (đoạn từ Tỉnh lộ 675A đến khu sản xuất)	Xã Ya Xiêr		DA chuyển tiếp
9	Đường đi khu sản xuất Tiểu khu 629 (đoạn nối tiếp: Từ rẫy A Tam đến rẫy bà Rơ Châm Hồng).	Xã Ya Tăng		DA chuyển tiếp
10	Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	Xã Hơ Moong		DA chuyển tiếp
11	Đường nội thôn (từ nhà ông Đáp đến nhà ông Dài)	Xã Sa Nghĩa		DA chuyển tiếp
12	Xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt (hạng mục: nhà học 04 phòng và hạng mục phụ trợ)	Xã Mô Rai		
13	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Tang từ rẫy ông Ngô Minh Chung đến rẫy ông Hà Văn Đình	Xã Rờ Koi		
14	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà A Diệt đến nhà A Điù	Xã Rờ Koi		
15	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà A Lầu đến nhà A Tha, từ nhà A Lầu đến nhà A Băn	Xã Rờ Koi		
16	Đường nội thôn Khok Klong đoạn từ nhà Trần Văn Giang đến nhà A Gin	Xã Rờ Koi		
17	Xây dựng nghĩa địa làng Rắc	Xã Ya Xiêr		
18	Đường đi khu sản xuất Ya Than (Đoạn từ rẫy ông A Keng đến rẫy ông A Sét).	Xã Ya Tăng		
19	Kiên cố hóa kênh nội đồng cánh đồng làng Kđừ	Thị trấn Sa Thầy		
20	Đường nội làng Kleng (đoạn từ nhà A Gliuh đến đường A Gió; đoạn từ nhà A Júp đến đất nhà A Thuyn)	Thị trấn Sa Thầy		
21	Đường nội làng Chốt (đoạn từ A Trưng đến nhà A Lốp)	Thị trấn Sa Thầy		
22	Đường đi khu sản xuất làng Kleng (đoạn từ đường Urê đến đất ông A Lue)	Thị trấn Sa Thầy		
23	Đường dân sinh (từ nhà ông Dài đến nhà ông Vũ)	Xã Sa Nghĩa		
24	Cải tạo, nâng cấp chợ tại trung tâm xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		
(4)	Huyện Ia H'Dai		13,221	
1	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom (Đoạn 1: Từ thôn 3 đi thôn Ia Muung, qua xã Ia Dom, dài khoảng 07 Km và Đoạn 2: Từ thôn Chư Hém đi thôn 6 qua xã Ia Đal, dài khoảng 06 Km)	Xã Ia Dom, Ia Đal		DA chuyển tiếp
2	Chợ trung tâm xã Ia Đal	Xã Ia Đal		DA chuyển tiếp
3	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 4, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
4	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (Giai đoạn 2)	Xã Ia Dom		
5	Đường ngõ xóm khu vực NT1-2, thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
6	Đường ngõ xóm khu vực NT1-1, thôn 3, xã Ia Dom	Xã Ia Dom		
7	Đường GTNT thôn Chư Hém (Đường vào Dốc Đỏ)	Xã Ia Đal		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
8	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	Xã Ia Đal		
9	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	Xã Ia Đal		
10	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7, xã Ia Tơi	Xã Ia Tơi		
11	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Tơi (đoạn đầu nối TI 675A đi sản xuất)	Xã Ia Tơi		
(5)	Huyện Đắk Hà		21,468	
1	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọc Wang đi xã Ngọc Réo	Xã Ngọc Wang, Ngọc Réo		DA chuyển tiếp
2	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọc Wang đi xã Đắk La	xã Ngọc Wang, Đắk La		DA chuyển tiếp
3	Cải tạo, nâng cấp chợ xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	Xã Đắk Hring		DA chuyển tiếp
4	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Kơ Đường (đoạn nhà A ĐIêu đi khu sản xuất)	xã Đắk Pxi		
5	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Rơ Wang (đoạn rẫy nhà ông Nguyễn Khắc Tuyển đến rẫy nhà ông Lê Ngọc Ước)	xã Đắk Pxi		
6	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Rơ Wang (đoạn nhà ông Vũ Ngọc Cường đến nhà ông Nguyễn Thế Chấn)	xã Đắk Pxi		
7	Đường GTNT thôn Đắk Xế Kơ Ne đoạn từ Sân thể thao thôn đi khu sản xuất	Xã Đắk Long		
8	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Tua Team đoạn đi Nhà máy nước SH	Xã Đắk Long		
9	Sửa chữa lớp học mẫu giáo thôn Pa Cheng xã Đắk Long và các hạng mục khác	Xã Đắk Long		
10	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn Tua Team đoạn từ nhà ông Nhữ Sỹ Thành	Xã Đắk Long		
11	Đường giao thông thôn Đắk Têg (Đoạn từ nhà A Hnáo đến nhà bà Y Dop)	xã Ngọc Réo		
12	Đường giao thông thôn Đắk Têg (Đoạn từ nhà cầu tràn đến nhà A Quang)	xã Ngọc Réo		
13	Cổng qua suối đi khu sản xuất suối Đắk Lôi	xã Ngọc Réo		
14	Đường giao thông thôn Kon Jong từ nhà ông A Nhật đến nhà A Lát	xã Ngọc Réo		
15	Tường tiểu học Lê Hồng Phong thôn Kon Jong xã Ngọc Réo; hạng mục: Cổng tường rào	xã Ngọc Réo		
16	Đầu tư xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên và học tại điểm trường tiểu học thôn Kon Rôn	xã Ngọc Réo		
17	Đường đi khu sản xuất Đắk Pe thôn Kon Sơ Tiu	Xã Ngọc Réo		
18	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Krók (Đoạn từ cầu đi khu nghĩa địa thôn Kon Krók)	Xã Ngọc Réo		
19	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Duông, xã Ngọc Wang (nối tiếp đoạn đường bê tông hướng đi khu thao trường bắn huyện) - (Giai đoạn 2)	xã Ngọc Wang		
20	Nhà rông thôn Đắk Duông	xã Ngọc Wang		
21	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Duông, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường bê tông đến giáp ngã địa thôn nhóm Kon Chôn) (Hạng mục: Cổng thoát nước và san gạt, BTXM đường hai bên đầu cổng)	xã Ngọc Wang		
22	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Stiú II, xã Ngọc Wang (đoạn từ rẫy cà phê của hộ bà Phạm Thị Thanh Loan đến giáp nghĩa địa thôn Kon Stiú II) (Hạng mục: BTXM mặt đường và 01 Cổng thoát nước)	xã Ngọc Wang		
23	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông; (đoạn từ cầu bê tông đi khu sản xuất eo 3); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường - (Giai đoạn 2)	xã Ngọc Wang		
24	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường đi đập Đắk Trít đến rẫy hồ ông Trần Văn Trình) - (giai đoạn 2)	xã Ngọc Wang		
25	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đến rẫy hộ ông Chế Liên) - (giai đoạn 2)	xã Ngọc Wang		
26	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông, xã Ngọc Wang; (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Huấn đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường -	xã Ngọc Wang		
27	Đường GT thôn KonMong đi KonProhTuria, xã Đắk Hring	xã Đắk Hring		
28	Xây dựng tường rào bao quanh điểm trường tại thôn KonProh Turia và các hạng mục khác	xã Đắk Hring		
29	Đường nội bộ Wang Hra	Xã Đắk Ui		
30	Đường đi khu sản xuất thôn Mnhuô Mriang, Đập tràn qua đường	Xã Đắk Ui		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
31	Đường giao thông nông thôn thôn 8	Xã Đăk La		
32	Nâng cấp điểm trường tiểu học thôn 10 đạt chuẩn	Xã Đăk La		
33	Sửa chữa hội trường và sân thể thao thôn Đăk Kđem; hạng mục Nhà hội trường, tường rào, sân thể thao và nhà vệ sinh	Xã Đăk Ngok		
34	Đường giao thông nông thôn Thôn Long Lôi (giai đoạn 2); Hạng mục Nền mặt đường và rãnh thoát nước dọc	Thị trấn Đăk Hà		
(6)	Huyện Đăk Tô		19,380	
1	Đường ĐH 55 (đường Đăk Mốt - Kon Tu Peng)	Xã Tân Cảnh, Pô Kô		DA chuyển tiếp
2	Đường đi vào nghĩa địa thôn Kon Tu Dớp 2, xã Pô Kô;	Xã Pô Kô		
3	Đường đi khu sản xuất đầu nguồn Đăk Ri Ôt, thôn Kon Tu Dớp I, xã Pô Kô	Xã Pô Kô		
4	Nhà văn hóa thôn Kon Tu Peng	Xã Pô Kô		
5	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tu Dớp 1, xã Pô Kô (đoạn qua suối Đăk Rsay)	Xã Pô Kô		
6	Đường đi khu sản xuất Kon Pring (đoạn qua suối Đăk Tróc)	Xã Ngọc Tụ		
7	Khu đi sản xuất thôn Kon Pring (đoạn từ nhà bà Y Viện đến rẫy ông A Dung)	Xã Ngọc Tụ		
8	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Tăng	Xã Ngọc Tụ		
9	Đường đi khu sản xuất Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ	Xã Ngọc Tụ		
10	Đường đi khu sản xuất Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ (đoạn qua suối Đăk Tăng)	Xã Ngọc Tụ		
11	Đường đi sản xuất thôn Kon Đào (đoạn ngầm đá)	Xã Kon Đào		
12	Đường ngõ xóm thôn Kon Đào (đoạn nhà A Chung đến nhà A Nheo)	Xã Kon Đào		
13	Trường TH Đăk Trăm (điểm trường thôn Đăk Mông), xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm		
14	Đường đi khu sản xuất Đăk Rò, xã Đăk Trăm (Đoạn qua suối Đăk Xia)	Xã Đăk Trăm		
15	Đường nội thôn Tê Pên (từ nhà ông A Chinh đến cây đa; đoạn nhà ông Quế; đoạn nhà ông Rừng) xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm		
16	Nhà rông thôn Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm		
17	Nhà rông thôn Đăk Rô Gia	Xã Đăk Trăm		
18	Đường đi khu SX thôn Tê Pen (Đoạn từ vườn nhà của A quang đi khu sản xuất Tê Pen)	Xã Đăk Trăm		
19	Trường Tiểu học Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm		
20	Đường nội thôn Đăk Xanh (Đoạn từ ĐH 51 đến nhà ông A Thoại)	Xã Văn Lem		
21	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (Đoạn từ ĐH 51 đến rẫy ông A Nông, ông Hoàn)	Xã Văn Lem		
22	Cổng tràn trên đường đi khu sản xuất thôn Tê Pên	Xã Văn Lem		
23	Nhà rông thôn Tê Pên	Xã Văn Lem		
24	Trường Mầm non Văn Lem (điểm trường Tê Pên)	Xã Văn Lem		
25	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Manh I (gần rẫy Ông A Phê): Hạng mục: Cổng tràn và đường hai đầu cống	Xã Đăk Rơ Nga		
26	Đường GTNT thôn Đăk Manh II (Đoạn từ đầu đường bê tông nhà Ông A Nô đến trường trung học bán trú)	Xã Đăk Rơ Nga		
27	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Manh I; Hạng mục: Cổng tràn và đường hai đầu cống	Xã Đăk Rơ Nga		
28	Làm mới kênh mương nội đồng thôn Đăk Manh II	Xã Đăk Rơ Nga		
(7)	Huyện Đăk Glei		30,294	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ huyện Đăk Glei đi xã Xốp (đoạn ĐH83 từ ngã ba xã Đăk Choong đi xã Xốp)	Xã Đăk Choong-Xốp		DA chuyển tiếp
2	Sửa chữa, cải tạo chợ Đăk Pék	Xã Đăk Pék		DA chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
3	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Mi	Xã Đăk Choong		DA chuyển tiếp
4	Đường đi khu sản xuất Đăk Đơ (Nối dài)	Xã Đăk Plô		
5	Đường đi khu sản xuất A Bở	Xã Đăk Plô		
6	Thủy lợi Đăk Doang thôn Làng Đung	Xã Mường Hoong		
7	Đường đi khu sản xuất từ thôn Đăk Rế đến Đài truyền hình cũ thôn Đăk Rế	Xã Mường Hoong		
8	Đường đi khu sản xuất Măng Ri thôn Mô Po	Xã Mường Hoong		
9	Đường giao thông nông thôn Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Đăk Nai	Xã Ngọc Linh		
10	Thủy lợi Nước Rùi thôn Xốp Dùi xã Xốp	Xã Xốp		
11	Đường đi khu sản xuất Đăk Cam đến Đăk Lô thôn Kon Liêm xã Xốp	Xã Xốp		
12	Đường đi nội đồng Đăk Heng thôn Xốp Nghét xã Xốp	Xã Xốp		
13	Đường Chung Năng ngoài đi Chung Năng trong (bê tông hóa một số đoạn chưa được đầu tư)	Thị trấn Đăk Glei		
14	Đường đi khu sản xuất từ cầu treo Đăk Non đi rẫy A Thái	Thị trấn Đăk Glei		
15	Đường đi sản xuất Đăk Ting nối dài thôn Đăk Tu xã Đăk Long	Xã Đăk Long		
16	Đường đi khu sản xuất Đăk Pook thôn Pêng Blong xã Đăk Long	Xã Đăk Long		
17	Xây mới thủy lợi Đăk Đe	Xã Đăk Nhoong		
18	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Công Tắc	Xã Đăk Nhoong		
19	Xây mới đường đi khu sản xuất cũ	Xã Đăk Nhoong		
20	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Đoát	Xã Đăk Nhoong		
21	Đường giao thông nông thôn Đăk Wăk nối dài nhánh 4 đi KSX của thôn	Xã Đăk Kroong		
22	Đường đi khu sản xuất Đăk Lúc, thôn Đông Lốc	Xã Đăk Man		
23	Đường đi khu sản xuất Đăk Hú, thôn Đông Nây - xã Đăk Man	Xã Đăk Man		
24	Đường giao thông nông thôn nội thôn Đăk Nở	Xã Đăk Pek		
25	Đường đi nghĩa địa các thôn Đăk Glây - Mô Mam - Kon Brôi	Xã Đăk Choong		
26	Đường sản xuất Mô Mam - Kon Brôi (GĐ2)	Xã Đăk Choong		
27	Đường đi sản xuất Đăk Bla	Xã Đăk Choong		
(8)	Huyện Kon Rẫy		18,879	
1	Nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruồng (khu dân cư phía nam)	Xã Đăk Ruồng		DA chuyển tiếp
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp lớp học trường Mâm Non thôn Tu Ngó - Kon Bông xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
3	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trường Mâm Non thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
4	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trường Mâm Non thôn Tu Rối xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
5	Xây dựng mới kênh mương thủy lợi thôn Tu Ngó - Kon Bông (nối tiếp vào kênh mương thôn Kon RGõn) xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
6	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trường Mâm Non thôn Tu Rơ Bông xã Đăk Kôi	Xã Đăk Kôi		
7	Dự án Đường nội thôn 9, thị trấn Đăk Rve	Thị trấn Đăk Rve		
8	Đường đi khu sản xuất thôn 7, thị trấn Đăk Rve	Thị trấn Đăk Rve		
9	Đường đi khu sản xuất Đăk Răk thôn 4 (đoạn từ nhà ông A BLênh đến cổng Đăk Bút)	Xã Đăk Pnê		
10	Đường đi khu sản xuất Đăk Răk thôn 4 (đoạn nối tiếp)	Xã Đăk Pnê		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
11	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Jri Pen xã Đăk Tờ Re	Xã Đăk Tờ Re		
12	Sân bê tông nhà rông thôn Kon Xơm Luh xã Đăk Tờ Re	Xã Đăk Tờ Re		
13	Sân bê tông nhà rông làng Kon Tờ Neh, thôn Đak Puih xã Đăk Tờ Re	Xã Đăk Tờ Re		
14	Xây mới sân bê tông, tường rào trường MN Kon Lố, xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
15	Xây mới sân bê tông, tường rào trường MN Kon Long, xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
16	Xây mới sân bê tông, tường rào trường MN Kon Bĩ, xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
17	Đường đi KSX tập trung Kon Mong Tu, xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
18	Đường đi khu sản xuất Đăk Son nhánh 2 xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
19	Dự án: Đường nội thôn 5 xã Tân Lập	Xã Tân Lập		
20	Dự án: Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy A Oanh đến rẫy A Hiên)	Xã Tân Lập		
21	Dự án: Đường nội thôn thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà ông Hào đi khu sản xuất)	Xã Tân Lập		
22	Đường đi khu SX thôn 11 xã Đăk Ruồng (Đoạn nối tiếp)	Xã Đăk Ruồng		
23	Đường đi KSX thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn cuối làng đi khu sản xuất)	Xã Đăk Ruồng		
(9)	Huyện Kon Plông		18,751	
1	Đường đi khu sản xuất Kon Chốt	Thị trấn Măng Đen		DA chuyển tiếp
2	Nước sinh hoạt thôn Kon Du	Xã Măng Cành		DA chuyển tiếp
3	Thủy lợi Rì Ka Ma thôn Măng Cành	Xã Măng Cành		DA chuyển tiếp
4	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Tiêu đi làng Tu Rí thôn Đăk Púk	Xã Đăk Nền		
5	Cầu tràn đi khu sản xuất Nước Cai	Xã Đăk Rìng		
6	Kênh mương thủy lợi Măng Păng	Xã Ngọc Tem		
7	Đường GTNT thôn Điek Tem (nhóm 6)	Xã Ngọc Tem		
8	Đường GTNT đi khu sản xuất thôn Điek Tem (nhánh 1)	Xã Ngọc Tem		
9	Đường đi sản xuất Đăk Lean	Xã Hiếu		
10	Đường nội thôn nhánh 2 thôn Kon Plông	Xã Hiếu		
11	Đường đi khu sản xuất cánh đồng Đăk Chè	Xã Hiếu		
12	Thủy lợi Nước Măng thôn Vi Xây	Xã Đăk Tăng		
13	Cầu treo Nước Ngheo thôn Vi Rơ Ngheo	Xã Đăk Tăng		
14	Thủy lợi Nước Chắt 1 thôn Kô Chắt	Xã Măng Bút		
15	Đường GTNT thôn Điek Tà Âu	Xã Ngọc Tem		
16	Nước sinh hoạt thôn Điek Nót	Xã Ngọc Tem		
17	Đường đi khu sản xuất Đăk Pa K La	Xã Hiếu		
18	Đường đi khu sản xuất Làng Đăk Pleng thôn Đăk Pong	Xã Măng Bút		
19	Cầu treo đi khu sản xuất thôn Văng Loa 2	Xã Măng Bút		
20	Nâng cấp, sửa chữa Đường tỉnh lộ 676 (ngã 3 Vi Xây) đi UBND xã Măng Bút	Trên địa bàn huyện		
(10)	Huyện Ngọc Hồi		5,287	
1	Nâng cấp sửa chữa đường ĐH 80 (điểm đầu Trung tâm xã Đăk Ang, điểm cuối thôn Ja Tun)	Xã Đăk Ang		DA chuyển tiếp
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ huyện Ngọc Hồi đến xã Đăk Ang (Đoạn từ thôn Đăk Blái đến trung tâm xã Đăk Ang), huyện Ngọc Hồi	Xã Đăk Ang		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
(11)	Thành Phố Kon Tum		3,856	
1	Đường giao thông nông thôn thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Nhà rông đến nhà ông Đinh Hùng)	Xã Đăk Blà		DA chuyển tiếp
2	Đường giao thông nông thôn thôn Kon Jơ Dreh Plong, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum. Hạng mục Mương thoát nước (Đoạn nhà ông A Khoan đến Suối)	Xã Đăk Blà		DA chuyển tiếp
3	Trường Mầm non Nắng Hồng xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục Điểm trường thôn Kon Gur Nhà học 01 phòng và các hạng mục phụ trợ	Xã Đăk Blà		DA chuyển tiếp
4	Đường nội đồng Thôn Plei Trum - Đăk Choăk	Phường Ngô Mây		DA chuyển tiếp
5	Đường trục thôn Kroong Ktu (Từ Nhà A Liuh đến Nhà A Khoan)	Xã Kroong		DA chuyển tiếp
6	Đường số 7 và đường số 9 thôn Đăk Răk (Đoạn còn lại)	Xã Hòa Bình		
7	Nhà rông văn hóa thôn Đăk Krăk, xã Hòa Bình; Hạng mục: giếng khoan	Xã Hòa Bình		
8	Nhà rông văn hóa thôn Konhrakotu, xã Chư Hreng; Hạng mục: giếng khoan	Xã Chư Hreng		
9	Điểm trường mầm non thôn Konhrakotu, xã Chư Hreng; hạng mục: Sân bê tông	Xã Chư Hreng		
10	Đường giao thông nông thôn thôn Kon Drei, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (đoạn Nhà ông A - Huỳnh đi Khu Nghĩa Địa)	Xã Đăk Blà		
11	Điện chiếu sáng công lộ đoạn từ QL24 đi thôn Kon Jri Xút	Xã Đăk Blà		
12	Nhà rông văn hóa thôn Kon Rơ Lang (làng Kon Kơ Pát cũ) xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	Xã Đăk Blà		
13	Trường Mầm Non Nắng Hồng xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục Điểm trường thôn Kon Jơ Dreh Nhà học 01 phòng và các hạng mục phụ trợ	Xã Đăk Blà		
14	Điểm trường mầm non thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa; hạng mục: Sân bê tông	Xã Đăk Rơ Wa		
15	Cải tạo và nâng cấp nhà rông văn hóa thôn Kon Tum Kơ Năm, xã Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ Wa		
16	Thay cầu treo (Thành cầu - Bê tông)	Phường Ngô Mây		
17	Đường nội thôn KroongKlah (Từ Nhà A Trường đến Nhà A Mỹ)	Xã Kroong		
18	Đường nội thôn thôn Kroong Ktu (Từ Nhà A Dũi đến Tỉnh lộ 666 cũ)	Xã Kroong		
19	Đường nội thôn KroongKlah (Từ Nhà A Trum đến Nhà A Thăng)	Xã Kroong		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		64,096	
V.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số		64,096	
(1)	Sở Giáo dục và Đào tạo		27,433	
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông	Huyện Tu Mơ Rông		DA chuyển tiếp
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Sa Thầy	Huyện Sa Thầy		DA chuyển tiếp
3	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông huyện Kon Plông	Huyện Kon Plông		DA chuyển tiếp
4	Xây dựng mới Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Hà	Huyện Đăk Hà		
5	Bổ sung cơ sở vật chất Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh	Huyện Đăk Glei		
6	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Tô	Huyện Đăk Tô		
(2)	Huyện Tu Mơ Rông		11,633	
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao		DA chuyển tiếp
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọc Lâm	Xã Ngọc Lâm		DA chuyển tiếp
3	Trường Trung học cơ sở Bán trú Dân tộc thiểu số Tu Mơ Rông	Xã Đăk Hà		DA chuyển tiếp
4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu		DA chuyển tiếp
5	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Na	Xã Đăk Na		DA chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
6	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Măng Ri	Xã Măng Ri		DA chuyển tiếp
7	Trường Tiểu học xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		DA chuyển tiếp
(3)	Huyện Sa Thầy		729	
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ya Ly (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	Xã Ya Ly		DA chuyển tiếp
(4)	Huyện Ia H'Drai		4,281	
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành	Xã Ia Tơi		DA chuyển tiếp
2	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Hùng Vương	Xã Ia Đal		DA chuyển tiếp
(5)	Huyện Đăk Hà		2,243	
1	Nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn các Trường Phổ thông dân tộc bán trú	Xã Đăk Pxi, Đăk Long, Ngok Réo		DA chuyển tiếp
(6)	Huyện Đăk Tô		3,721	
1	Trường mầm non Văn Lem (điểm trường trung tâm)	Xã Văn Lem		
2	Trường Tiểu học Đăk Rơ Nga	xã Đăk Rơ Nga		
(7)	Huyện Đăk Glai		6,969	
1	Công trình Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong		DA chuyển tiếp
2	Công trình Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh		DA chuyển tiếp
3	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	Xã Đăk Long		
(8)	Huyện Kon Rẫy		2,471	
1	Trường Tiểu học Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tơ Lung		
2	Phòng học bộ môn trường Tiểu học Kapakolơng	Xã Đăk Tờ Re		
3	Phòng học bộ môn trường Tiểu học số 1 Thị trấn Đăk Rve	Thị trấn Đăk Rve		
(9)	Huyện Kon Plông		3,131	
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Cấp 1, 2 Măng Bút 1; Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học các xã: Đăk Nê; Ngok Tem; Đăk Ring	Xã Măng Bút, Đăk Nê, Ngok Tem, Đăk Ring		DA chuyển tiếp
(10)	Huyện Ngọc Hồi		1,485	
1	Nâng cấp, mở rộng trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ngõ Quyền	Xã Đăk Ang		DA chuyển tiếp
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		17,864	
(1)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		6,252	
1	Dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của người Gia Rai, làng Bar Gốc, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy		DA chuyển tiếp
2	Dự án: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo quần thể di tích quốc gia đặc biệt chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh	Huyện Đăk Tô		
(2)	Huyện Tu Mơ Rông		1,762	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Đăk Kinh 1, xã Ngok Lây	Xã Ngok Lây		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Mô Bành, xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông		DA chuyển tiếp
3	Đầu tư bảo tồn mỗi một làng truyền thống tiêu biểu Làng Ba Khen, xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi		
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Măng Lở, xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông		
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Tê Xô Trong, xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan		
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Mô Pá, Xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		
7	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Tu Mơ Rông, Xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Đắk Riếp 2, xã Đắk Na	Xã Đắk Na		
9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Long Láy 1, Xã Ngọc Yêu.	Xã Ngọc Yêu		
(3)	Huyện Sa Thầy		431	
1	Sửa chữa nhà thiết chế Văn hóa làng Xốp	Xã Mô Rai		
2	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa thôn Đắk Tân	Xã Sa Nghĩa		
3	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa thôn Gia Xiêng	Xã Rờ Kơi		
(4)	Huyện Ia H'Drai		118	
1	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4 Ia Đal	Xã Ia Đal		
(5)	Huyện Đắk Hà		431	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Ngọc Ráo	Xã Ngọc Ráo		
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Đắk Pxi	Xã Đắk Pxi		
(6)	Huyện Đắk Tô		490	
1	Khu thể thao Thôn Đắk Mơ Ham, Xã Pô Kô	Xã Pô Kô		DA chuyển tiếp
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch thác Đắk Sing	Xã Văn Lem		
3	Khu thể thao thôn Tê Pên, Xã Văn Lem	Xã Văn Lem		
4	Khu thể thao thôn Đắk Ring, Xã Đắk Trăm	Xã Văn Lem		
5	Khu thể thao thôn Đắk Tăng, Xã Ngọc Tụ	Xã Ngọc Tụ		
(7)	Huyện Đắk Glei		2,457	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Ngục Đắk Glei	Xã Đắk Choong		DA chuyển tiếp
2	Xây dựng nhà rông thôn Làng Mới xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong		
3	Xây dựng nhà rông thôn Xã Úa xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong		
(8)	Huyện Kon Rẫy		411	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn	Các xã ĐBK, thị trấn, thôn ĐBK		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm du lịch tiêu biểu: Làng Kon Bắp Du - Thôn 5, xã Tân Lập, hạng mục: Xây mới hệ thống nhà vệ sinh công cộng và tru cở	Xã Tân Lập		
(9)	Huyện Kon Plông		2,839	
1	Đầu tư làng truyền thống tiêu biểu Vi Rơ Ngheo xã Đắk Tăng	Xã Đắk Tăng		
(10)	Huyện Ngọc Hồi		1,625	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đắk Ang	Xã Đắk Ang		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đắk Dục	Xã Đắk Dục		DA chuyển tiếp
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đắk Nông	Xã Đắk Nông		DA chuyển tiếp
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Pờ Y	Xã Pờ Y		DA chuyển tiếp
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao thị trấn Plei Kần	Thị trấn Plei Kần		DA chuyển tiếp
6	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch thôn Đắk Răng, xã Đắk Dục	Xã Đắk Dục		DA chuyển tiếp
7	Dự án Tu bổ, tôn tạo khu di tích lịch sử chiến thắng Plei Kần	Thị trấn Plei Kần		DA chuyển tiếp
(11)	Thành phố Kon Tum		1,048	
1	Dự án đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Kon Hra Ktu, xã Chu Hreng	Xã Chu Hreng		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Plei Trum Đắk Choách	Phường Ngô Mây		DA chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Đắk Răk	Xã Hoà Bình		DA chuyển tiếp
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Hra Ktu	Xã Chư Hreng		DA chuyển tiếp
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại xã Đắk Blà	Xã Đắk Blà		DA chuyển tiếp
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kroong Ktu	Xã Kroong		DA chuyển tiếp
7	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kroong Klah	Xã Kroong		DA chuyển tiếp
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Kơ Tu	Xã Đắk Rơ Wa		DA chuyển tiếp
9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Tum Kơ Nâm	Xã Đắk Rơ Wa		DA chuyển tiếp
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		7,235	
(1)	Sở Y tế		7,235	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Kon Plông	Huyện Kon Plông		DA chuyển tiếp
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		2,506	
VIII.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		2,506	
(1)	Ban Dân tộc tỉnh		2,506	
1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người gồm: (1) Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo đường nội thôn Làng Le; (2) Nâng cấp, sửa chữa Nhà rông văn hóa Làng Le	Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy		DA chuyển tiếp
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện		7,791	
IX.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		7,791	
(1)	Sở Thông tin và Truyền thông		1,169	
1	Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Kon Tum		DA chuyển tiếp
(2)	Liên minh Hợp tác xã tỉnh		779	
1	Hỗ trợ, thiết lập ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đầu tư trang bị các thiết bị văn phòng và phục vụ hỗ trợ chợ sản phẩm trực tuyến)	Kon Tum		DA chuyển tiếp
(3)	Huyện Tư Mơ Rông		1,366	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	các xã trên địa bàn huyện		DA chuyển tiếp
(4)	Huyện Sa Thầy		762	
1	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an	Xã Mô Rai		DA chuyển tiếp
2	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an	Xã Rờ Koi		
3	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an	Xã Ya Ly		
(5)	Huyện Ia H'Drai		257	
1	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an	Xã Ia Đal, Xã Ia Toi		
(6)	Huyện Đắk Hà		522	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, phát triển kinh tế - xã hội	Trên địa bàn huyện		DA chuyển tiếp
(7)	Huyện Đắk Tô		623	
1	Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội	Các xã, thôn ĐBK		DA chuyển tiếp
(8)	Huyện Đắk Glei		1,128	

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm	Ghi chú
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	các xã, thị trấn		DA chuyển tiếp
(9)	Huyện Kon Rẫy		398	
1	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã	Các xã ĐBK, thị trấn, thôn ĐBK		DA chuyển tiếp
(10)	Huyện Kon Plông		636	
1	Chuyển đổi số; hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh	Các xã, thôn ĐBK		DA chuyển tiếp
(11)	Huyện Ngọc Hồi		128	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã	Xã Đắk Ang		
(12)	Thành phố Kon Tum		23	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, phát triển kinh tế - xã hội	Các xã, phường có thôn ĐBK		DA chuyển tiếp

Ghi chú: (*) Các địa phương chủ động đối ứng, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư hoàn thành dự án.